

Bản án số: 37/2019/HS-PT
Ngày 05-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành

Các Thẩm phán: Ông Trương Thành Quang

Bà Trần Thị Bích Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chuốt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLHS-PT ngày 15/01/2019 đối với bị cáo Nguyễn Doãn H cùng đồng phạm do có kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. **Nguyễn Doãn H**, sinh năm: 1994 tại Lâm Đồng. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Doãn Hòa và bà Nguyễn Thị X; vợ Võ Thị Minh H và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/12/2017, bị Công an xã Hòa Sơn ra quyết định số 19/2017/QĐ xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau và đã nộp phạt ngày 06/12/2017; bị cáo đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. **Huỳnh Ngọc T (Xề)**, sinh năm: 1987 tại Bình Thuận. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hai và bà Nguyễn Thị M; có vợ Huỳnh Thị Ngọc T và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo đang thực hiện lệnh cấm khỏi nơi cư trú, có mặt

- Bị hại có kháng cáo: Mai Xuân D, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 106 N, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Dương Lê Sơn, Luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Thoại Khánh – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: 351 L, E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2017, ông Mai Xuân D có hợp đồng thuê đất của bà Đào Thị H và ông Nguyễn Q, diện tích 52.290m² ở khu vực Bà Đĩ, thôn Tân Tiến, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn để trồng mì Cút xanh đến tháng 10/2017 đợi ngày thu hoạch ông D về Đắc Lắc không có người trông coi mì. Trong thời gian này, ông D có mượn của bà H số tiền 20.000.000 đồng, bà H gọi điện đòi tiền nhưng không liên lạc được với ông D nên có nói với Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T về việc ông D nợ tiền nên Nguyễn Doãn H nói với bà H và T nhờ mì của ông D bán trừ nợ, tất cả đồng ý. Sau đó, bà H gặp Nguyễn Doãn H nói lại là ông D đã trả tiền rồi và ngăn cản không cho Nguyễn Doãn H và T nhờ mì ông D nhưng Nguyễn Doãn H và T vẫn đến xem rẫy mì của ông D rồi gọi điện thoại cho ông Đỗ Thanh B thuê máy cày và nhờ ông B thuê công nhổ mì.

Khoảng 08 giờ ngày 05/12/2017 Nguyễn Doãn H chạy xe chở T dẫn ông B và C đến rẫy mì ông D, đến ngày 06/12/2017 nhổ hết diện tích 34.783m² thu được 15.040 tấn củ mì tươi, bán cho ông Trần Hữu Đại N ở Quảng Sơn với giá 22.878.000 đồng, hoàn trả tiền công và tiền vận chuyển hết 8.100.000 đồng còn lại 14.778.000 đồng Nguyễn Doãn H và T xuống Phan Rang tiêu xài hết. Diện tích mì còn lại là 17.507m², thực tế ông D thu hoạch mì còn lại khoảng 16.507m² được 14.597kg bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được số tiền 35.693.000 đồng, số còn lại 1000m² do cây mì xấu, đất cứng nên ông D bỏ, hiện những người đi mót mì nhỏ không xác định được người nhổ và trữ lượng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-ĐGTS ngày 31/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản của huyện Ninh Sơn kết luận: 5.600 kg củ mì tươi - 06,5% tạp chất 364 kg còn lại 5.236 kg x 1.950đ/kg = 10.210.200đ; 9.440 kg củ mì tươi- 06,5% tạp chất 614 kg còn lại 8.826 kg x 1.950đ= 17.210.700đ tổng giá trị 14.062kg là 27.420.900 đồng.

Quá trình điều tra có nhổ và thu giữ 11 củ mì tươi của ông D nặng 3,4kg để đo hàm lượng, xác định tinh bột, có hàm lượng 28,2%, quá trình cân đo đã sử dụng hết.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T yêu cầu bồi thường sản lượng mì tươi trên diện tích 34.783m² với số tiền 120.907.500 đồng. Các bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T không đồng ý và yêu cầu bồi thường theo pháp luật. Quá trình điều tra, Nguyễn Doãn H và T mỗi người đã bồi thường 10.000.000 đồng.

Xe mô tô hiệu Wave màu xanh của Nguyễn Doãn H quá trình sử dụng đã bán cho một người không rõ lai lịch và 01 điện thoại Nokia sử dụng gọi cho ông B không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T (Xề) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Doãn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc T (Xề) 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 46, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T (Xề) phải liên đới bồi thường cho ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T số tiền 75.358.600đ (*Bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm đồng*). Được chia phần: Bị cáo H và T mỗi người 37.679.300đ (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm đồng*).

Tiếp tục tạm giữ của mỗi bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để bồi thường cho ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T, số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1047599.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn (*Theo ủy nhiệm chi ngày 29/6/2018*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và báo quyền kháng cáo.

Ngày 09, 10/11/2018 bị hại ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với các yêu cầu như sau: Tăng mức hình phạt đối với các bị cáo; khởi tố bà Đào Thị H với vai trò là người chủ mưu, xúi giục; thu hồi số tiền các bị cáo có được từ việc các bị cáo nhử mỳ bán; định giá lại tài sản bị thiệt hại; đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại; đề nghị xem xét lại án phí dân sự đối với chúng tôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

- Về hình thức đơn kháng cáo: Đúng hình thức và trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T: Các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo là thiếu sót, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung. Căn cứ vào chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm; sửa về phần áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Ngày 5/12/2017 và ngày 6/12/2017 tại khu vực rẫy mà ông D thuê để trồng mì, lợi dụng lúc ông D không có mặt tại rẫy nên các bị cáo đã thuê xe và công nhổ mì rồi đem đi bán. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản của huyện Ninh Sơn kết luận là 27.420.900 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T thấy rằng:

- Về tư cách tham gia tố tụng của bà Phạm Thị T: Bà T và ông Mai Xuân D có quan hệ vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật vì: Trong quá trình điều tra, truy tố và thực tế thì ông D là người trực tiếp thuê đất, trình báo, tham gia lấy lời khai, yêu cầu bồi thường. Ngoài ra, quá trình điều tra bổ sung Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn đã 02 lần triệu tập bà T nhưng bà T không tới làm việc là từ chối quyền tham gia tố tụng của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Tuyết tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

- Về nội dung kháng cáo yêu cầu khởi tố bà Đào Thị H với vai trò là người chủ mưu, xúi giục: Quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ, đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm đã xác định rõ bà H có hành vi ngăn cản các bị cáo nhổ mì của ông D trước khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên bà H không đồng phạm với các bị cáo về hành vi phạm tội “trộm cắp tài sản”. Do đó, Tòa án sơ thẩm không yêu cầu khởi tố bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Xét nội dung kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với các bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ là các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thiệt hại không lớn và đã bồi thường một phần thiệt hại. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có thiếu sót cấp phúc thẩm cần thiết phải bổ sung. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Doãn H 09 (chín) tháng tù, xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T (Xề) 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng tính chất,

mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo về việc tăng mức hình phạt của người bị hại.

- Xét yêu cầu của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T về việc định giá lại tài sản bị thiệt hại, yêu cầu tăng mức bồi thường và thu hồi số tiền các bị cáo có được từ việc nhỏ mĩ bán, nhận thấy: Việc định giá tài sản trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng hình sự nên không có cơ sở chấp nhận việc yêu cầu định giá lại tài sản; đối với yêu cầu tăng mức bồi thường thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo liên đới bồi cho ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T 75.358.600 đồng là đã cao hơn rất nhiều so với giá trị tài sản của ông D và bà T bị thiệt hại theo định giá tài sản (định giá tài sản bị thiệt hại thực tế là 27.420.900 đồng). Việc ông D, bà T kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo về việc phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T thấy rằng: Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án về nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án hình sự quy định: *“Bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại về những khoản không phù hợp với pháp luật thì Tòa án phải giải thích cho họ việc họ phải chịu án phí nếu yêu cầu bồi thường thiệt hại đó không được Tòa án chấp nhận. Trường hợp họ vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết thì họ phải chịu án phí nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận nên ông D và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T không có căn cứ để chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T, nên ông D và bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm; sửa về phần áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T (Xề) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Doãn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc T (Xề) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 46, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Doãn H và Huỳnh Ngọc T (Xề) phải liên đới bồi thường cho ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T số tiền 75.358.600đ (*Bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm đồng*). Được chia phần: Bị cáo H và T mỗi người 37.679.300đ (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm đồng*).

Tiếp tục tạm giữ của mỗi bị cáo 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để bồi thường cho ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T, số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1047599.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn (*Theo ủy nhiệm chi ngày 29/6/2018*).

Kể từ ngày Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu Người phải thi hành án không thanh toán cho Người được thi hành án toàn bộ số tiền trên thì hàng tháng Người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm:

- Buộc bị cáo Nguyễn Doãn H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.383.965đ (*Một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm cho bị cáo Huỳnh Ngọc T.

- Buộc ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T phải chịu 2.277.445đ (*Hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông Mai Xuân D và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND; TAND huyện Ninh Sơn;
- Công an huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại;
- PV 27 Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV- THA; Tổ HCTP;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Đức Thành